WIKIPEDIA

Mammuthus imperator

Bách khoa toàn thư mở Wikipedia

Mammuthus imperator (*Mammuthus imperator*) là một loài voi ma mút đã tuyệt chủng đặc hữu Bắc Mỹ từ thế Pleistocene.[1] Nó được coi là loài voi ma mút lớn nhất Tây bán cầu đạt đến chiều cao ở vai là 4,9 m (16 ft) và trọng lượng là 13 tấn.[2] Nó hơi cao hơn voi ma mút lông xoăn, voi ma mút thảo nguyên và nhiều loài khác và hơi ngắn hơn *Deinotherium*. Do ở trung và tây nam Bắc Mỹ ấm hơn ở bắc Eurasia và Bắc Mỹ, loài Mammuthus imperator được cho là không có bộ lông dày như một số bà con họ hàng của nó. Nó đã sinh sống dọc cùng với voi ma mút Columbia (*Mammuthus columbi*), một loài thường bị nhầm lẫn với *M. imperator* do có kích cỡ và phạm vi hóa thạch tương tự. Cách nguyên thủy nhất để phân biệt hai loài voi mamut này là ngà của voi *M. imperator* uốn cong về điểm chồng lấn còn ngà của voi *M. columbi'* thì không. *M. imperator* ban đầu được miêu tả là một loài hóa thạch của *Elephas* bởi Joseph Leidy vào năm 1858.[3]

Các hóa thạch tuyệt vời của Mammuthus imperator được tìm thấy ở La Brea Tar Pits, phía nam California.[4]

Không phải tất cả các nhà cổ sinh vật học xem *M. imperator* là một loài hợp lệ. Larry Agenbroad, một nhà nghiên cứu tin rằng *M. imperator* là một danh pháp không hợp lệ thường đặt cho loài *M. columbi*.[5] Cho rằng ngà phát triển suốt đời con vật, những con già hơn có xu hướng có ngà dài hơn và nhiều khả năng cắt nhau. Ông cũng tranh luận rằng cách hiểu khác thì *M. imperator* là một phân loài của *M. columbi*.

Voi ma mút hoàng đế

Thời điểm hóa thạch: Pliocene-Pleistocene



Bộ xương phục dựng

Phân loại khoa học

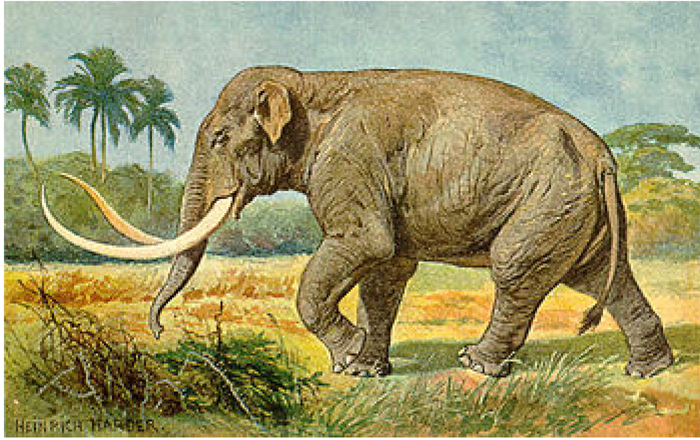
Giới (*regnum*)	Animalia
Ngành (*phylum*)	Chordata
Lớp (*class*)	Mammalia
Bộ (*ordo*)	Proboscidea
Họ (*familia*)	Elephantidae
Chi (*genus*)	*Mammuthus*
Loài (*species*)	***M. imperator***

Danh pháp hai phần

Mammuthus imperator
(Leidy, 1858)

Tham khảo

1. ^ PaleoBiology Database: "Mammuthus imperator", basic info (http://paleodb.org/cgi-bin/bridge.pl?action=checkTaxonInfo&taxon_no=46022&is_real_user=1). Paleodb.org. Truy cập 2012-06-11.
2. ^ ¿Qué es un mamut? (http://lular.es/a/ciencia/2010/12/Que-es-un-mamut.html) Lular.es (2010-12-16). Truy cập 2012-06-11.
3. ^ Leidy, J. (1858). “Notices of remains of extinct vertebrata, from the Valley of the Niobrara River, collected during the Exploring Expedition of 1857, in Nebraska under the command of Lieut. G.K. Warren, U.S. Top. Eng. By F.V. Hayden, Geologist to the Expedition.”. *Proceedings of the Academy of Natural Sciences, Philadelphia* **10**: 20–29.
4. ^ Guenther, E. W. (1987). “Mammute und ihre Kümmerformen von Eurasien und Mexiko”. *Quartärpaläontologie*. 37/38: 13–51.
5. ^ Dino Land Paleontology Interviews: Larry Agenbroad (http://www.reocities.com/CapeCanaveral/Galaxy/8152/larryagenbroad.html). Reocities.com. Truy cập 2012-06-11.



Phục dựng bởi Heinrich Harder


Mammuthus imperator, chân trước bên phải. Hình lịch sử từ Smithsonian Institution.


Wikimedia Commons có thêm hình ảnh và phương tiện truyền tải về ***Mammuthus imperator* (https://commons.wikimedia.org/wiki/Category:Mammuthus_columbi?uselang=vi)**.
